

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 8 - 9 -2020

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Mai và ông Trần Xuân Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa bà:** Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 8/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/HNGĐ - ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1989 ( Có mặt)

HKTT: Xóm 8, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa

-Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986 ( Vắng mặt)

Trú tại: Xóm 8, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ngày 16 tháng 6 năm 2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày giữa chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2009 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, thường xuyên cãi nhau, anh T đã nhiều lần đưa thông tin gia đình chị H lên mạng xã hội để chửi bới, lăng mạ. Đến nay anh T vẫn thường xuyên nhần

tin qua tài khoản zalo để xúc phạm đến chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng anh chị có một con chung với nhau, tên cháu là Lê Văn Tiến D, sinh ngày 27/3/2010, hiện nay cháu D đang sống cùng ông bà nội và anh T tại xóm 8, xã D, huyện T. Ly hôn nguyện vọng của chị H xin được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và phần nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ đề anh T đến Tòa án trình bày lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do, để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh T. Về con chung giao cháu Lê Văn Tiến D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng*: Anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, mặc dù không có trở ngại khách quan nào, nhưng anh T cố tình không đến Tòa án, không có lý do; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2009 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày quá trình chung sống với nhau, vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng hay cãi nhau, anh T đã nhiều lần đưa thông tin gia đình chị H lên mạng xã hội để chửi bới, lăng mạ, xúc phạm đến chị và gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chị đã sống ly thân

từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không có căn để xem xét nguyện vọng của anh, việc anh T không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập được xem là bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H phù hợp với điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình. Xét đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung, tên cháu là Lê Văn Tiến D, sinh ngày 27/3/2010, hiện nay cháu D đang ở cùng ông bà nội và anh T. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con. Tại giấy báo cáo của ông Lê Văn T0 và bà Trần Thị T1 (bố, mẹ đẻ của anh T) nộp cho Tòa án đều khẳng định anh T biết và đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T không đến Tòa, ông T0 trình bày nguyện vọng của anh T là muốn được nuôi cháu D, nhưng không có cơ sở để xem xét, do anh T không có quan điểm nộp cho Tòa án. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H thì thấy, việc yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng, mặc dù cháu D đang ở cùng với ông bà nội và anh T, nhưng anh T không đưa ra nguyện vọng của mình, không có quan điểm về con chung, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng. Mặc dù nguyện vọng của cháu D xin được ở cùng bố và ông bà nội, nhưng hiện nay cháu D đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc từ người mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Lê Văn Tiến D, nhằm ổn định về tâm lý, căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4]. Về tài sản: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm gì, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Lê Văn T.

*Về con chung:* Giao cháu Lê Văn Tiến D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Nếu trong quá trình nuôi con chị H không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu D, thì anh T có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản:* Chị H không yêu cầu giải quyết, anh T không có quan điểm gì nên không xét.

*Về án phí:* Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2017/0004040 ngày 17 tháng 6 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn. Chị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng bị đơn. Tuyên bố cho chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Dân Quyền
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



